

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2021/HS-ST**
Ngày: 26-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thanh Tuyền

Ông Nguyễn Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1983 tại An Minh, Kiên Giang; giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp 7 X, xã Đ H, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Ph; vợ là Ngô Ngọc Q và có 01 người con, sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phan Văn N, sinh năm 1982. Địa chỉ: 581/19B M C, phường V Q, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang; (vắng mặt)

+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

Đại diện Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ: Lầu 6 Tòa ành PV Combank số 131 T H Đ, phường A P, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2017, do có nhu cầu vay tiền tại ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đại chúng Việt Nam, nên Nguyễn Văn T thông qua mối quan hệ quen biết với Phan Văn N là cán bộ tín dụng của ngân hàng để nhờ làm thủ tục vay tiền. Lúc này T đang là Phó Trưởng Công an xã Đ H, huyện An Minh, không phải là công chức nên không đủ điều kiện để vay tiền. Để tiến hành làm thủ tục vay vốn N đưa cho T 01 mẫu giấy xác nhận đơn vị công tác BM-18 (Mẫu của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam), T tự ghi thông tin tên là Nguyễn Văn T; Vị trí công tác: “Phó Chủ tịch UBND xã”; Mức lương chính: 5.600.000 đồng; Thu nhập khác: 6.900.000 đồng, rồi giả chữ ký, đóng dấu chức vụ Phó Chủ tịch tên Võ Văn D và đóng dấu tròn của Ủy ban nhân dân xã Đ H, sau đó gửi cho N. Ngoài ra, T còn dùng điện thoại di động chụp ảnh Quyết định số 2230/2016/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện An Minh về việc phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ H khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 rồi gửi cho N để làm thủ tục vay. Sau khi hoàn thành các thủ tục cần thiết, T được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 200.000.000 đồng. Đến năm 2020, T không thực hiện trả tiền vay gốc theo đúng thời hạn, nên ông Trần Văn T1 là Nhân viên Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam đến Ủy ban nhân dân huyện An Minh để xác minh thì biết được T không giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ H và Quyết định số 2230/2016/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện An Minh về việc phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ H khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 là không có thật. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện An Minh có văn bản số 324/VP-TCD ngày 23/12/2020 yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ nội dung liên quan đến Quyết định số 2230/2016/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 do Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam cung cấp.

Tại bản Kết luận giám định số: 217 KL-KTHS ngày 09/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. Chữ ký mang tên Võ Văn D trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên Võ Văn D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn màu đỏ mang nội dung “U.B.N.D XÃ Đ H H. AN MINH T. KIÊN GIANG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với hình tròn màu đỏ có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một con dấu đóng ra.

Đối với Phan Văn N có nhận và làm hồ sơ vay vốn cho Nguyễn Văn T nhưng trong quá trình điều tra N cho rằng không biết việc T làm giả con dấu, tài liệu, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh Phan Văn N đồng phạm với T, nên không đủ căn cứ để xử lý.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng, Cơ quan điều tra đã tạm giữ một số tài liệu có liên quan để phục vụ công tác điều tra và trưng cầu giám định và đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T đã trả đủ số tiền vay cho Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, về phía ngân hàng không có yêu cầu gì đối với Nguyễn Văn T.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKS-AM ngày 17-6-2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Nguyễn Văn T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận bị cáo T phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Bị cáo trình bày: Thừa nhận hành vi vi phạm như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát; không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày rất hối hận, ăn năn và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử; hơn nữa nhằm phòng chống dịch Covid-19 nên hạn chế người tham dự phiên tòa nên HĐXX căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trước đó tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thẩm tra. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận nội dung sự việc như sau: Vào khoảng đầu năm 2017, do bị can Nguyễn Văn T có nhu cầu vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, nhưng lúc này bị can không phải là công chức nên không đủ điều kiện để vay vốn, nên bị can T đã làm giả giấy xác nhận đơn vị công tác BM-18 ghi thông tin tên là Nguyễn Văn T; Vị trí công tác: “Phó Chủ tịch UBND xã”, rồi giả chữ ký, đóng dấu chức vụ Phó Chủ tịch và đóng dấu tròn của Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện An Minh để hợp thức hóa hồ sơ vay tiền. Số tiền vay tại Ngân hàng là 200.000.000 đồng. T đã trả toàn bộ tiền vay cho Ngân hàng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhằm mục đích hợp thức hóa hồ sơ vay vốn Ngân hàng, bị cáo T đã có hành vi làm giả Giấy xác nhận vị trí, chức vụ công tác và sử dụng giấy tờ đã làm giả đó để vay tiền. Giấy này đã được giám định kết luận là giả (giả chữ ký tên). Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả để vay tiền của bị cáo T thấy rằng, tuy bị cáo có sự gian dối khi lập thủ tục vay tiền và đã nhận được tiền vay nhưng bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tài sản. Sau khi vay bị cáo đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên vay. Đến thời hạn trả nợ bị cáo đã trả đầy đủ tiền cho bên cho vay. Mặt khác, bên cho vay xác định không bị xâm phạm về quyền lợi, không yêu cầu xử lý bị cáo. Do đó, cơ quan tố tụng không xử lý bị cáo về tội lừa đảo là phù hợp.

[5] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức quản

lý hành chính nhà nước về tài liệu. Hành vi của bị cáo đã gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, bất bình trong nhân dân. Bên cạnh đó, bị cáo từng tham gia công tác tại địa phương, tại thời điểm phạm tội giữ chức vụ Phó trưởng Công an xã nên cần phải nêu gương chấp hành pháp luật nhưng bị cáo đã không gương mẫu và vi phạm pháp luật nên cần có hình thức xử lý nghiêm nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, sau khi bị khởi tố, điều tra về hành vi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu và tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng; quá trình công tác đã được khen thưởng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tỏ rõ thái độ quyết tâm sửa chữa lỗi lầm; tội đã phạm là tội ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt thể hiện trước khi phạm tội chưa từng vi phạm pháp luật nên cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù. Đồng thời thấy việc buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù tập trung là không cần thiết nên thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[8] Về vật chứng, đã đưa vào hồ sơ theo quy định.

[9] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 26-9-2021).

Giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục người được hưởng án treo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2- Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26-9-2021). Người liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; NLQ;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND X. Đ H, H. An Minh, KG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công